CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Báo cáo tài chính
Quý 2 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-12

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**12.234.419.178**	**2.436.454.628**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**IV.1**	**12.215.212.664**	**1.790.414.634**
1. Tiền	111		10.615.212.664	10.414.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	1.780.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**276.164**	**630.409.644**
1. Phải thu ngắn hạn khác	135	IV.2	276.164	630.409.644
III. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**18.930.350**	**15.630.350**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		11.000.000	7.700.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		7.930.350	7.930.350
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**24.816.000.000**	**29.436.000.000**
I. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**24.816.000.000**	**29.436.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	261	IV.3	0	4.620.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	IV.3	24.816.000.000	24.816.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**37.050.419.178**	**31.872.454.628**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.630.192.417**	**1.542.059.993**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.630.192.417**	**1.542.059.993**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		0	61.560.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.4	1.271.389.617	1.271.389.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.5	232.338	244.892
4. Phải trả người lao động	315		7.640.216	7.640.222
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	IV.6	51.704.984	196.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	IV.7	299.225.262	5.225.262
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**IV.8**	**35.420.226.761**	**30.330.394.635**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(281.560.000)	(281.560.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(445.079.827)	(5.534.911.953)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(5.534.911.953)	(5.918.959.013)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		5.089.832.126	384.047.060
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**37.050.419.178**	**31.872.454.628**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Ngày 13 tháng 07 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 0102403985 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp

CÔNG TY C(¬) PH—N Tᴛ V┬N ь—U Tᴛ PP ENTERPRISE

Digitally signed by CÔNG TY C(¬)PH—N Tᴛ V┬N ь—U Tᴛ PP ENTERPRISE
DN: cn=CÔNG TY C(¬)PH—N Tᴛ V┬N ь—U Tᴛ PP ENTERPRISE c=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-07-14 08:11+07:00

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**0**	**0**	**0**	**0**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**0**	**0**	**0**	**0**
4. Giá vốn hàng bán	11		0	0	0	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**0**	**0**	**0**	**0**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	V.1	5.498.256.470	308.980.797	5.507.038.393	589.706.462
7. Chi phí tài chính	23	V.2	65.800.000	188.999.348	65.800.000	207.401.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	*24*		0	188.957.247	0	202.606.308
8. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.3	285.797.737	125.154.720	351.406.267	207.042.001
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**5.146.658.733**	**(5.173.271)**	**5.089.832.126**	**175.262.744**
11. Thu nhập khác	31		0	0	0	0
12. Chi phí khác	32		0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác	**40**		**0**	**0**	**0**	**0**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**5.146.658.733**	**(5.173.271)**	**5.089.832.126**	**175.262.744**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.4	0	0	0	35.052.549
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**5.146.658.733**	**(5.173.271)**	**5.089.832.126**	**140.210.195**
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**V.5**	**1.430**	**(3)**	**1.414**	**70**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Ngày 13 tháng 07 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N:0102403985 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính:VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**5.089.832.126**	**175.262.744**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	0	(13.601.802)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.414.200.000)	(455.931.407)
- Chi phí đi vay	06	0	202.606.308
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(324.367.874)**	**(91.664.157)**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	120.920	482.029.344
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	88.144.984	(854.027.256)
- Tăng/(giảm) chi phí chờ phân bổ	12	(3.300.000)	(3.300.000)
- Tăng/(giảm) chứng khoán kinh doanh	13	0	2.316.709.328
- Tiền lãi vay đã trả	14	0	(202.606.308)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(568.209.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(239.401.970)**	**1.078.931.099**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	5.250.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(42.360.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.554.200.000	42.594.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.110.000.000	299.316.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**10.664.200.000**	**5.783.316.439**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**0**	**0**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**10.424.798.030**	**6.862.247.538**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.790.414.634**	**3.584.764.211**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**12.215.212.664**	**10.447.011.749**

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N:0102403985 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp

Ngày 13 tháng 07 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 04 tháng 12 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch HNX từ ngày 21 tháng 9 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1 (tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là đầu tư tài chính và bán buôn vật liệu xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh	Tỉnh Phú Thọ	48	48	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.615.212.664	10.414.634
Các khoản tương đương tiền	1.600.000.000	1.780.000.000
Cộng	**12.215.212.664**	**1.790.414.634**

2. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	0	630.000.000
Dự thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	276.164	409.644
Cộng	**276.164**	**630.409.644**

3. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An	0	0	4.620.000.000	0
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty CP Thương mại VLXD Hòa Bình Minh	24.816.000.000	0	24.816.000.000	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.188.261.442	1.188.261.442
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	50.128.175	50.128.175
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Cộng	**1.271.389.617**	**1.271.389.617**

5. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2026
Phải nộp	**244.892**	**614.676**	**627.230**	**232.338**
Thuế thu nhập cá nhân	244.892	614.676	627.230	232.338

6. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí kiểm toán	48.000.000	152.000.000
Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu	0	44.000.000
Chi phí phải trả khác	3.704.984	0
Cộng	**51.704.984**	**196.000.000**

7. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Cổ tức phải trả	294.000.000	0
Phải trả ngắn hạn khác	5.225.262	5.225.262
Cộng	**299.225.262**	**5.225.262**

8. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**20.000.000.000**	**0**	**146.866.588**	**(5.918.959.013)**	**14.227.907.575**
Tăng vốn trong năm	16.000.000.000	(281.560.000)			15.718.440.000
Lãi trong năm trước				384.047.060	384.047.060
Số dư cuối năm trước	**36.000.000.000**	**(281.560.000)**	**146.866.588**	**(5.534.911.953)**	**30.330.394.635**
Số dư đầu năm nay	**36.000.000.000**	**(281.560.000)**	**146.866.588**	**(5.534.911.953)**	**30.330.394.635**
Lãi trong năm nay				5.089.832.126	5.089.832.126
Số dư cuối năm nay	**36.000.000.000**	**(281.560.000)**	**146.866.588**	**(445.079.827)**	**35.420.226.761**

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

c) Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**3.600.000**	**3.600.000**
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**3.600.000**	**3.600.000**
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.480.000.000	0
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	0	234.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.256.470	61.114.704
Lãi kinh doanh chứng khoán	0	13.866.093
Cộng	**5.498.256.470**	**308.980.797**

2. Chi phí tài chính

	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025
	VND	VND
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	65.800.000	0
Chi phí lãi vay	0	188.957.247
Chi phí tài chính khác	0	42.101
Cộng	**65.800.000**	**188.999.348**

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	31.558.410	31.558.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.239.327	93.596.310
Cộng	**285.797.737**	**125.154.720**

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.146.658.733	(5.173.271)
Các khoản điều chỉnh	0	0
- Các khoản điều chỉnh tăng	*0*	*0*
- Các khoản điều chỉnh giảm	*(5.480.000.000)*	*0*
Lợi nhuận tính thuế	(333.341.267)	(5.173.271)
+ Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**0**	**0**

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế được chuyển do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.089.832.126	(5.173.271)
Các khoản điều chỉnh	0	0
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.089.832.126	(5.173.271)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.600.000	2.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	**1.414**	**(3)**

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2 năm 2026	Quý 2 năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	31.558.410	31.558.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.239.327	93.596.310
Cộng	**285.797.737**	**125.154.720**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc không nhận thu nhập từ Công ty.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan cần phải thuyết minh.

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Ngày 13 tháng 07 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng quản trị

M.S.D.N: 0102403985 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp